TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 141/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp D, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2025, đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 20 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày và yêu cầu như sau*:

Bà và ông Nguyễn Thế H chung sống với nhau vào năm 1978, đến năm 1981 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên

Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 63, quyển số: 1 ngày 21 tháng 4 năm 1981. Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Thế H có 01 người con chung tên Đinh Thị Mỹ H1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1982, hiện nay đã thành niên; về tài sản chung và nợ, bà và ông Nguyễn Thế H không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ ông bà. Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Thế H, sống ở khu tập thể của Trường phổ thông cơ sở xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, sau đó đổi thành Khu vực 4, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Khu phố D, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, sau sáp nhập là: ấp D, xã A, tỉnh An Giang, bà và ông Nguyễn Thế H chung sống đến tháng 10 năm 1981 ly thân với ông Nguyễn Thế H, đến tháng 6 năm 1982 bà chuyển công tác về Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay, bà và ông Nguyễn Thế H không liên lạc với cho đến nay. Bà thấy, bà và ông Nguyễn Thế H không còn tình cảm vợ chồng, bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thế H. Về quan hệ con chung, hiện nay người con chung đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, bà cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra bà không yêu cầu giải quyết gì khác.

** Tại Biên bản xác minh ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Ông Nguyễn Thế H và bà Đinh Thị T sinh sống và làm việc tại: ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, nay là: ấp D, xã A, tỉnh An Giang, sau đó bà Đinh Thị T chuyển công tác về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay; sinh sống tại Khu tập thể Trường phổ thông cơ sơ xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, khi đó ông Huỳnh Chí T1 làm Hiểu trưởng Trường phổ thông cơ sơ xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, là nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Thế H sinh sống và làm việc.

* *Bị đơn ông Nguyễn Thế H*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông Nguyễn Thế H biết để ông có ý kiến về việc bà Đinh Thị T yêu cầu được ly hôn với ông nhưng ông Nguyễn Thế H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Đinh Thị T (Bản sao); Giấy công nhận kết hôn giữa bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Thế H số: 63, Quyển số 1 ngày 21 tháng 4 năm 1981 của Ủy ban nhân dân xã Đ (Bản sao); Giấy khai sinh Đinh Thị Mỹ H1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1982, ngày 19 tháng 02 năm 1982 (Bản sao); Quyết định sơ thẩm giải quyết

việc dân sự v/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích số: 38/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (Bản sao); Biên bản xác minh ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn bà Đinh Thị T gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thế H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự, gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thế H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Đinh Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thế H là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thế H. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ, bà Đinh Thị T tự xác định, con ông bà nay đã thánh niên, ông bà không có tài sản chung, không có nợ và ông bà không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đinh Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thế H. Bị đơn ông Nguyễn Thế H cư trú tại: ấp D, xã A, tỉnh An Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Thế H biết và ấn định thời gian để ông có ý kiến về việc bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thế H nhưng ông không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các

bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Nguyễn Thế H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Thế H thì bà Đinh Thị T gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thế H vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Thế H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Thế H chung sống với nhau vào năm 1978, đến năm 1981 ông bà đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi ông bà cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 63, quyển số: 1 ngày 21 tháng 4 năm 1981, ông bà đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, năm 1986, năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét khởi kiện của bà Đinh Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thế H, quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Thế H sinh sống ở khu tập thể của Trường phổ thông Trung học cơ sở xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, nay là ấp D, xã A, tỉnh An Giang, đến tháng 10 năm 1981 ông bà sống ly thân với nhau, đến tháng 6 năm 1982 bà Đinh Thị T chuyển công tác về Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay, không còn liên lạc với ông Nguyễn Thế H. Bà Đinh Thị T thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Thế H, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thế H, nhưng ông Nguyễn Thế H không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc bà Đinh Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thế H là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau từ tháng 6 năm 1982, mà ông bà không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án bà Đinh Thị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thế H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T, cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thế H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Thế H có 01 người con chung tên Đinh Thị Mỹ H1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1982, hiện nay đã trưởng thành, sinh sống riêng. Khi ly hôn, bà Đinh Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, bà Đinh Thị T tự xác định, bà và ông Nguyễn Thế H không có tài sản chung, ông bà không có nợ người khác, người khác không có nợ ông bà và bà cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng bà Đinh Thị T là người cao tuổi (73 tuổi), có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thế H.

2. Về quan hệ con chung: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Thế H có 01 người con chung tên Đinh Thị Mỹ H1, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1982, hiện nay đã trưởng thành, sinh sống riêng. Khi ly hôn, bà Đinh Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ, bà Đinh Thị T tự xác định, bà và ông Nguyễn Thế H không có tài sản chung, ông bà không có nợ người khác, người khác không có nợ ông bà và bà cam kết không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng bà Đinh Thị T là người cao tuổi (73 tuổi), có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Kv7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Kv7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã A, tỉnh An Giang;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo